

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 55

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác cụ thể như sau:

- ▶ Chi nhánh Chợ Lớn: Lầu 1, 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh
- ▶ Chi nhánh Phú Nhuận: Tầng 1, Tòa nhà Tân Hà Phan, 465 Phan Xích Long, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh
- ▶ Chi nhánh An Giang: Tầng 3, TTTM Nguyễn Huệ, 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, TP.Long Xuyên
- ▶ Chi nhánh Đồng Nai: Số 249 Hà Huy Giáp, Khu phố 4, Phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Ronnie Royston Fernandiz	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Ong Cheow Kheng	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2016
Bà Hamidah Binti Moris	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Goh Cho Kiat Jeffrey	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Goh Keat Jin	Thành viên	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2016
Ông Alexander Panasko	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2016

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty đã được tái bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2 (2017 – 2019) tại ngày 30 tháng 12 năm 2016 theo Quyết định số 05/2016/QĐCSH.

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mohamad Yasin bin Abdullah	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2014
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Bà Quách Thanh Bảo Trân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2015

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty đã được tái bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2 (2017 – 2019) tại ngày 30 tháng 12 năm 2016 theo Quyết định số 05/2016/QĐCSH.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2010
Bà Trần Thị Thu Hằng	Giám đốc Tài chính Kế toán	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2014
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Số tham chiếu: 60994674/18609013

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ sở hữu  
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty"), được lập ngày 16 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 55, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám Đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Võ Ngọc Minh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>953.096.954.061</b>	<b>955.456.866.675</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>948.616.585.843</b>	<b>951.434.494.095</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	168.073.202.957	235.764.069.456
111.1	a. Tiền		13.573.202.957	30.764.069.456
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		154.500.000.000	205.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	25.110.000	1.585.700
114	3. Các khoản cho vay	6.2	784.301.701.923	715.743.953.794
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.3	(13.093.563.871)	(10.193.110.917)
117	5. Các khoản phải thu	7	8.494.917.614	8.036.668.112
117.3	a. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		8.494.917.614	8.036.668.112
	- Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		7.855.813.448	6.781.848.668
	- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		639.104.166	1.254.819.444
118	6. Trả trước cho người bán	7	55.812.000	-
119	7. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7	563.097.459	226.492.054
122	8. Các khoản phải thu khác	7	196.307.761	1.854.835.896
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>8</b>	<b>4.480.368.218</b>	<b>4.022.372.580</b>
131	1. Tạm ứng		59.500.000	114.114.923
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.420.868.218	3.908.257.657
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>35.074.700.473</b>	<b>37.480.127.942</b>
<b>220</b>	<b>III. Tài sản cố định</b>		<b>13.772.696.455</b>	<b>15.384.461.494</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.671.469.698	12.922.380.719
222	- Nguyên giá		41.548.805.772	42.841.010.853
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.877.336.074)	(29.918.630.134)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.101.226.757	2.462.080.775
228	- Nguyên giá		23.339.357.483	19.365.501.766
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.238.130.726)	(16.903.420.991)
<b>240</b>	<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>1.054.828.000</b>	<b>3.036.558.957</b>
<b>250</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>20.247.176.018</b>	<b>19.059.107.491</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.590.467.540	3.062.380.205
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	11	591.656.738	1.847.711.120
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	416.035.574	-
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	16.649.016.166	14.149.016.166
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>988.171.654.534</b>	<b>992.936.994.617</b>



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>61.621.134.765</b>	<b>89.795.767.788</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>61.560.169.302</b>	<b>89.742.351.129</b>
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		44.630.000.000	26.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	14	44.630.000.000	26.000.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		20.894.592	45.302.218.394
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	51.823.816	1.792.969.507
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		630.332.000	475.832.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.408.237.398	3.611.470.132
323	6. Phải trả người lao động		7.371.539.738	9.212.682.069
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	73.666.864
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.445.028.834	3.158.317.685
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.312.924	115.194.478
<b>340</b>	<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>60.965.463</b>	<b>53.416.659</b>
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	60.965.463	53.416.659
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19</b>	<b>926.550.519.769</b>	<b>903.141.226.829</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>926.550.519.769</b>	<b>903.141.226.829</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		829.110.000.000	829.110.000.000
414	2. Quỹ dự trữ điều lệ		6.241.666.840	5.071.202.193
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		6.241.666.841	5.071.202.194
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		84.957.186.088	63.888.822.442
417.1	a. Lợi nhuận đã thực hiện		84.957.186.088	63.888.822.442
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>988.171.654.534</b>	<b>992.936.994.617</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm (Trình bày lại)
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
005	1. Ngoại tệ các loại (theo nguyên tệ) - USD - SGD		98.241 212	126.283 212
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Công ty	20.1	15.040.000	350.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của nhà đầu tư	20.2	6.343.004.730.000	5.115.693.710.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		6.027.124.080.000	4.840.943.270.000
021.2	- Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		44.194.050.000	83.631.000.000
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		31.063.600.000	95.002.000.000
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		240.623.000.000	96.117.440.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư	20.3	28.779.910.000	96.780.060.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		28.280.730.000	88.926.560.000
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		499.180.000	7.853.500.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	20.4	55.084.470.000	84.354.030.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm (Trình bày lại)
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)</b>			
026	4. Tiền gửi của khách hàng	20.5	285.298.816.070	176.991.784.920
027	5. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		196.914.298.070	104.755.870.834
028	6. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	20.5	74.741.210.925	30.167.024.115
029	7. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	20.5	13.643.307.075	42.068.889.971
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		8.171.590.157	28.010.898.847
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		5.471.716.918	14.057.991.124
031	8. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.6	285.297.622.723	174.817.806.056
031.1	- Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		122.394.115.849	139.980.932.427
031.2	- Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		162.903.506.874	34.836.873.629
035	9. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	20.6	1.193.347	2.173.978.864

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:







Đào Thị Ngọc Thủy  
Phó phòng Tài chính  
Kế toán

Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Tài chính  
Kế toán

Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21.1	5.993.747.636	10.810.390.402
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		3.082.913	-
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		-	223.628
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		5.990.664.723	10.810.166.774
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	21.1	93.115.031.356	82.302.309.904
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	21.2	62.626.584.525	66.214.275.398
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	21.2	2.816.060.868	2.636.794.583
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	21.2	808.500.000	407.454.545
11	6. Thu nhập hoạt động khác	21.2	5.296.244.494	10.727.297.701
<b>20</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>170.656.168.879</b>	<b>173.098.522.533</b>
	<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(14.770.423)	(2.445.925)
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL		(12.024.000)	(2.210.000)
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		(2.746.423)	(235.925)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	22	(6.453.452.268)	(3.462.633.669)
27	3. Chi phí môi giới chứng khoán		(65.952.617.866)	(62.324.505.461)
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(4.962.294.517)	(4.575.745.716)
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(2.158.823.703)	(1.884.351.539)
<b>40</b>	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>(79.541.958.777)</b>	<b>(72.249.682.310)</b>
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		91.413.920	167.570.579
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		2.351.384.439	2.635.353.127
<b>50</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>23</b>	<b>2.442.798.359</b>	<b>2.802.923.706</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(42.070.504)	(11.688.668)
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>(42.070.504)</b>	<b>(11.688.668)</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	24	<b>(64.115.474.118)</b>	<b>(65.469.106.946)</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>29.399.463.839</b>	<b>38.170.968.315</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	1. Thu nhập khác		293.576.012	4.545.455
72	2. Chi phí khác		(42.947.628)	(206.870.526)
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>250.628.384</b>	<b>(202.325.071)</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>29.650.092.223</b>	<b>37.968.643.244</b>
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		29.650.092.223	37.968.643.244
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)</b>		<b>(6.240.799.283)</b>	<b>(8.769.804.168)</b>
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(6.649.286.053)	(8.742.972.814)
100.2	2. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	25	408.486.770	(26.831.354)
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>23.409.292.940</b>	<b>29.198.839.076</b>
400	<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>		<b>23.409.292.940</b>	<b>29.198.839.076</b>

Người lập:


Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:







Đào Thị Ngọc Thùy  
Phó phòng Tài chính  
Kế toán

Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Tài chính  
Kế toán

Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03b-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>29.650.092.223</b>	<b>37.968.643.244</b>
<b>02</b>	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>3.825.664.723</b>	<b>(4.335.031.027)</b>
03	- Khấu hao tài sản cố định	9,10	5.714.261.617	5.647.855.205
04	- Các khoản dự phòng	6.3	2.900.452.954	99.721.606
06	- Chi phí lãi vay	22	3.552.999.314	3.362.912.063
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.702.944.996)	(12.190.700.457)
08	- Dự thu tiền lãi	7	(639.104.166)	(1.254.819.444)
<b>10</b>	<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>		<b>667.333</b>	<b>206.870.526</b>
17	Lỗi khác		667.333	206.870.526
<b>18</b>	<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>		<b>(182.276.012)</b>	<b>(4.545.455)</b>
21	Lãi khác		(182.276.012)	(4.545.455)
<b>30</b>	<b>5. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(125.805.250.132)</b>	<b>39.507.452.963</b>
31	Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL		(23.524.300)	(1.585.700)
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(68.557.748.129)	57.827.373.438
36	Tăng phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(458.249.502)	(378.622.175)
37	(Tăng)/giảm các khoản phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(336.605.405)	3.289.193
39	Giảm các khoản phải thu khác		1.041.615.780	2.433.518.259
40	Giảm các tài sản khác		471.912.665	-
41	Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(146.941.426)	(1.179.407.982)
42	Giảm chi phí trả trước		743.443.821	1.520.911.089
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25	(4.687.282.917)	(4.331.940.115)
44	Lãi vay đã trả		(3.119.346.739)	(3.350.828.730)
45	(Giảm)/tăng phải trả người bán		(1.741.145.691)	1.456.867.286
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(73.666.864)	-
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(4.167.257.172)	(1.619.931.791)
48	Giảm phải trả người lao động		(1.841.142.331)	(1.517.587.673)
50	Giảm phải trả, phải nộp khác		(41.237.684.054)	(9.513.583.147)
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.671.627.868)	(1.841.018.989)
<b>60</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(92.511.101.865)</b>	<b>73.343.390.251</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03b-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(2.121.432.954)	(9.653.505.478)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		182.276.012	4.545.455
65	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.129.392.308	12.074.430.111
<b>70</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>6.190.235.366</b>	<b>2.425.470.088</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
73	Tiền vay gốc	14	473.838.025.072	108.230.117.662
73.2	Tiền vay khác		473.838.025.072	108.230.117.662
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(455.208.025.072)	(347.876.909.043)
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác		(455.208.025.072)	(347.876.909.043)
<b>80</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>18.630.000.000</b>	<b>(239.646.791.381)</b>
<b>90</b>	<b>GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>(67.690.866.499)</b>	<b>(163.877.931.042)</b>
<b>101</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>4</b>	<b>235.764.069.456</b>	<b>399.642.000.498</b>
101.1	Tiền		30.764.069.456	2.532.000.498
101.2	Các khoản tương đương tiền		205.000.000.000	397.110.000.000
<b>103</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>4</b>	<b>168.073.202.957</b>	<b>235.764.069.456</b>
103.1	Tiền		13.573.202.957	30.764.069.456
103.2	Các khoản tương đương tiền		154.500.000.000	205.000.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03b-CTCK

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		14.874.519.889.063	16.129.408.831.293
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(14.833.194.707.879)	(16.292.001.390.018)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		16.813.262.343.131	17.866.864.234.663
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(16.743.468.258.322)	(17.736.138.164.253)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(2.812.234.843)	(2.631.296.487)
<b>20</b>	<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>108.307.031.150</b>	<b>(34.497.784.802)</b>
<b>30</b>	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>20.6</b>	<b>176.991.784.920</b>	<b>211.489.569.722</b>
32	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		104.755.870.834	72.908.030.271
34	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		30.167.024.115	101.750.214.416
35	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		42.068.889.971	36.831.325.035
<b>40</b>	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>20.6</b>	<b>285.298.816.070</b>	<b>176.991.784.920</b>
42	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		196.914.298.070	104.755.870.834
43	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		74.741.210.925	30.167.024.115
44	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		13.643.307.075	42.068.889.971

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:









Đào Thị Ngọc Thủy  
 Phó phòng Tài chính  
 Kế toán

Trần Thị Ngọc Hương  
 Kế toán Trưởng

Trần Thị Thu Hằng  
 Giám đốc Tài chính  
 Kế toán

Kim Thiên Quang  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)			Số dư cuối năm		
	Ngày 01/01/2015	Ngày 01/01/2016	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2015	Ngày 31/12/2016
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	829.110.000.000	829.110.000.000	-	-	-	-	829.110.000.000	829.110.000.000
- Vốn pháp định	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn bổ sung	529.110.000.000	529.110.000.000	-	-	-	-	529.110.000.000	529.110.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.611.260.239	5.071.202.193	1.459.941.954	-	1.443.665.509	(273.200.862)	5.071.202.193	6.241.666.840
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.611.260.240	5.071.202.194	1.459.941.954	-	1.443.665.509	(273.200.862)	5.071.202.194	6.241.666.841
4. Lợi nhuận chưa phân phối	37.609.867.274	63.888.822.442	29.198.839.076	(2.919.883.908)	23.409.292.940	(2.340.929.294)	63.888.822.442	84.957.186.088
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>873.942.387.753</b>	<b>903.141.226.829</b>	<b>32.118.722.984</b>	<b>(2.919.883.908)</b>	<b>26.296.623.958</b>	<b>(2.887.331.018)</b>	<b>903.141.226.829</b>	<b>926.550.519.769</b>

Người lập:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Tài chính Kế toán

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 173 (31 tháng 12 năm 2015: 210).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 334").

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- ▶ Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 210 và Thông tư 334 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính như sau:

- ▶ Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp ghi nhận theo giá trị thị trường phải tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.
- ▶ Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- ▶ Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Thông tư 210 và Thông tư 334 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại *Thuyết minh* 26.4.

### 3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

### 3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của công ty chứng khoán.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính do pháp luật chứng khoán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

### 3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

### 3.6 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.6 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (tiếp theo)

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên thời gian quá hạn của các khoản cho vay theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC như đã trình bày ở Thuyết minh 3.8 hoặc dựa trên dự phòng ước tính từ việc không chắc chắn về khả năng thu hồi của những khoản cho vay đó.

### 3.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí quản lý công ty chứng khoán*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

### 3.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	5 năm

### 3.11 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến hai mươi hai (22) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

### 3.13 Các khoản vay

Các khoản vay được được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

### 3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.15 Lợi ích của nhân viên

#### 3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

#### 3.15.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Bộ Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động. Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Bộ Luật Lao động.

#### 3.15.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo nghị định số 28/2015/NĐ-CP, từ ngày 1 tháng 5 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.



# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### *Thu nhập khác*

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

### 3.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

### 3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 3.20 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- ▶ Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.
- ▶ Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.20 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

#### *Các quỹ*

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau nếu không phát sinh lỗ lũy kế:

	<i>Trích lập hàng năm</i>	<i>Số dư tối đa</i>	<i>Mục đích sử dụng</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ	Bổ sung vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ	Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh

Việc trích lập các quỹ còn lại do chủ sở hữu quyết định.

Các quỹ nêu trên được trích lập dựa trên báo cáo kết quả hoạt động cuối năm.

### 3.21 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3.22 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	35.305.202	42.747.755
- Tiền gửi cho hoạt động của Công ty	3.433.507.467	28.247.092.953
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	10.104.390.288	2.474.228.748
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	154.500.000.000	205.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>168.073.202.957</b>	<b>235.764.069.456</b>

**5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)
a. Công ty				
- Cổ phiếu	26.028	869.491.210	745.655	26.341.833.790
b. Nhà đầu tư				
- Cổ phiếu	2.265.277.580	33.379.420.207.800	2.579.602.307	36.524.054.460.590
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.265.303.608</b>	<b>33.380.289.699.010</b>	<b>2.580.347.962</b>	<b>36.550.396.294.380</b>

**6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi và lỗ (FVTPL)**

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	27.868.720	25.110.000	1.597.997	1.585.700

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 6.2 Các khoản cho vay

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
1. Hoạt động cho vay kỳ quỹ	728.711.279.667	3.000.174.560	725.711.105.107	678.886.104.227
2. Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	45.497.032.945	-	45.497.032.945	26.764.460.256
3. Cho vay khác	10.093.389.311	10.093.389.311	-	10.093.389.311
	<b>784.301.701.923</b>	<b>13.093.563.871</b>	<b>771.208.138.052</b>	<b>715.743.953.794</b>
			<b>10.193.110.917</b>	<b>705.550.842.877</b>

Cho vay khác là các khoản cho vay theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã chấm dứt các nghiệp vụ này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012. Các khoản phải thu nêu trên liên quan đến các khoản nợ khó đòi phát sinh từ năm 2010 đã được Công ty trích lập dự phòng cụ thể 100%.

#### Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định theo các chính sách kế toán được nêu tại *Thuyết minh* 3.6.
- ▶ Giá trị hợp lý của tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay kỳ quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và cho vay khác tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Số dư đầu năm	10.193.110.917	10.093.389.311
Dự phòng trích lập trong năm	2.900.452.954	99.721.606
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.093.563.871</b>	<b>10.193.110.917</b>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	8.494.917.614	8.036.668.112
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ký quỹ	7.773.412.377	6.724.174.144
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	639.104.166	1.254.819.444
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	82.401.071	57.674.524
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	563.097.459	226.492.054
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	302.945.301	226.492.054
- Phải thu khác	260.152.158	-
Trả trước cho người bán	55.812.000	-
Phải thu khác	196.307.761	1.854.835.896
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.310.134.834</b>	<b>10.117.996.062</b>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tạm ứng	59.500.000	114.114.923
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.372.695.383	3.908.257.657
- Chi phí bảo trì hệ thống	3.169.447.389	2.831.921.612
- Trả trước tiền thuê văn phòng	252.645.056	272.532.256
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	950.602.938	803.803.789
Tài sản ngắn hạn khác	48.172.835	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.480.368.218</b>	<b>4.022.372.580</b>

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	38.476.908.326	3.052.011.905	1.312.090.622	42.841.010.853
Mua trong năm	131.668.000	-	-	131.668.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.079.525.121)	-	(344.347.960)	(1.423.873.081)
Số dư cuối năm	37.529.051.205	3.052.011.905	967.742.662	41.548.805.772
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	(25.921.689.423)	(2.943.531.219)	(1.053.409.492)	(29.918.630.134)
Tăng trong năm	(4.131.102.794)	(108.480.686)	(139.968.402)	(4.379.551.882)
Thanh lý, nhượng bán	1.076.497.982	-	344.347.960	1.420.845.942
Số dư cuối năm	(28.976.294.235)	(3.052.011.905)	(849.029.934)	(32.877.336.074)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	12.555.218.903	108.480.686	258.681.130	12.922.380.719
Số dư cuối năm	8.552.756.970	-	118.712.728	8.671.469.698

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 21.474.234.041 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 17.482.129.851 đồng).



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	19.365.501.766
Tăng trong năm	
- Mua mới trong năm	1.644.162.760
- Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.329.692.957
Số dư cuối năm	<u>23.339.357.483</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	(16.903.420.991)
Tăng trong năm	(1.334.709.735)
Số dư cuối năm	<u>(18.238.130.726)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	<u>2.462.080.775</u>
Số dư cuối năm	<u>5.101.226.757</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 15.154.341.540 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 15.154.341.540 đồng).

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Chi phí vật dụng văn phòng	591.656.738	1.106.895.155
Chi phí cải tạo văn phòng	-	740.815.965
<b>Tổng cộng</b>	<u>591.656.738</u>	<u>1.847.711.120</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	<b>416.035.574</b>	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do sự khác nhau trong việc trích lập dự phòng giữa chính sách kế toán của công ty và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	<b>416.035.574</b>	-	<b>416.035.574</b>	-

**13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số dư đầu năm	14.149.016.166	11.649.016.166
Tiền nộp bổ sung trong năm	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.649.016.166</b>	<b>14.149.016.166</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**14. VAY NGẮN HẠN**

	Lãi suất %/năm	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn và vay thấu chi	3,05 - 7,00	<b>26.000.000.000</b>	<b>473.838.025.072</b>	<b>(455.208.025.072)</b>	<b>44.630.000.000</b>

Đây là các khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty và vay thấu chi nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả phí dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh 26.1)	48.622.671	19.468.870
Phải trả Velocity Technology Solution - cung cấp phần mềm SAP	-	1.756.951.128
Các khoản phải trả khác	3.201.145	16.549.509
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.823.816</b>	<b>1.792.969.507</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm VND
1	Thuế thu nhập cá nhân - Cửa nhân viên Công ty - Cửa nhà đầu tư cá nhân	1.204.318.582 331.302.299 873.016.283	20.601.952.667 6.920.003.360 13.681.949.307	(20.497.343.593) (6.848.955.733) (13.648.387.860)	1.308.927.656 402.349.926 906.577.730
2	Thuế nhà thầu	248.559.531	1.179.051.678	(1.406.372.244)	21.238.965
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp - Cửa Công ty - Cửa nhà đầu tư tổ chức	2.040.432.553 1.964.706.987 75.725.566	9.160.608.779 6.649.286.053 2.511.322.726	(7.174.462.808) (4.687.282.917) (2.487.179.891)	4.026.578.524 3.926.710.123 99.868.401
4	Thuế giá trị gia tăng	118.159.466	564.672.962	(631.340.175)	51.492.253
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.611.470.132</b>	<b>31.506.286.086</b>	<b>(29.709.518.820)</b>	<b>5.408.237.398</b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Chi phí trích trước	1.466.750.568	1.783.819.642
Chi phí giao dịch	634.138.896	527.813.831
Phí dịch vụ chuyên môn	610.697.500	591.247.500
Lãi vay phải trả	445.735.908	12.083.333
Chi phí lưu ký	287.705.962	243.353.379
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.445.028.834</b>	<b>3.158.317.685</b>

**18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>		
Khấu hao tài sản cố định	<b>60.965.463</b>	<b>53.416.659</b>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác nhau giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

Chi tiết biến động khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Khấu hao tài sản cố định	<b>60.965.463</b>	<b>53.416.659</b>	<b>(7.548.804)</b>	<b>(26.831.354)</b>

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>829.110.000.000</b>	<b>5.071.202.193</b>	<b>5.071.202.194</b>	<b>63.888.822.442</b>	<b>903.141.226.829</b>
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	23.409.292.940	23.409.292.940
- Phân phối thu nhập vào quỹ dự trữ	-	1.170.464.647	1.170.464.647	(2.340.929.294)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>829.110.000.000</b>	<b>6.241.666.840</b>	<b>6.241.666.841</b>	<b>84.957.186.088</b>	<b>926.550.519.769</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**20.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán ("VSD")**

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	<b>15.040.000</b>	<b>350.000</b>

**20.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư**

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	6.027.124.080.000	4.840.943.270.000
- Cổ phiếu	6.026.811.080.000	4.840.138.270.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	313.000.000	805.000.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	44.194.050.000	83.631.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	31.063.600.000	95.002.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	240.623.000.000	96.117.440.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.343.004.730.000</u></b>	<b><u>5.115.693.710.000</u></b>

**20.3 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư**

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	28.280.730.000	88.926.560.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	499.180.000	7.853.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>28.779.910.000</u></b>	<b><u>96.780.060.000</u></b>

**20.4 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư**

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Cổ phiếu	<b><u>55.084.470.000</u></b>	<b><u>84.354.030.000</u></b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20.5 Tiền của nhà đầu tư**

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	196.914.298.070	104.755.870.834
- Cửa nhà đầu tư trong nước	52.413.618.296	83.976.988.329
- Cửa nhà đầu tư nước ngoài	144.500.679.774	20.778.882.505
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	74.741.210.925	30.167.024.115
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	13.643.307.075	42.068.889.971
- Cửa nhà đầu tư trong nước	8.171.590.157	28.010.898.847
- Cửa nhà đầu tư nước ngoài	5.471.716.918	14.057.991.124
<b>Tổng cộng</b>	<b>285.298.816.070</b>	<b>176.991.784.920</b>

**20.6 Phải trả nhà đầu tư**

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	285.297.622.723	174.817.806.056
- Cửa nhà đầu tư trong nước	122.394.115.849	139.980.932.427
- Cửa nhà đầu tư nước ngoài	162.903.506.874	34.836.873.629
Phải trả cổ tức cho nhà đầu tư	1.193.347	2.173.978.864
<b>Tổng cộng</b>	<b>285.298.816.070</b>	<b>176.991.784.920</b>

**20.7 Phải trả của nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty**

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 7)	<b>302.945.301</b>	<b>226.492.054</b>



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG**

**21.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	5.993.747.636	10.810.390.402
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.989.834.723	10.810.157.774
- Cổ tức	830.000	9.000
- Các khoản khác	3.082.913	223.628
Từ các khoản cho vay và phải thu	93.115.031.356	82.302.309.904
- Tiền lãi cho vay ký quỹ	90.771.444.346	77.618.593.208
- Tiền lãi cho vay ứng trước tiền bán	2.343.587.010	4.683.716.696
<b>Tổng cộng</b>	<b>99.108.778.992</b>	<b>93.112.700.306</b>

**21.2 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	62.626.584.525	66.214.275.398
Doanh thu lưu ký chứng khoán	2.816.060.868	2.636.794.583
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	808.500.000	407.454.545
Thu nhập từ hoạt động khác	5.296.244.494	10.727.297.701
- Từ cho thuê tài sản	366.158.358	486.000.000
- Từ phí nghiên cứu và các hoạt động khác	4.930.086.136	10.241.297.701
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.547.389.887</b>	<b>79.985.822.227</b>

**22. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỒN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 6.3)	2.900.452.954	99.721.606
Chi phí lãi vay	3.552.999.314	3.362.912.063
	<b>6.453.452.268</b>	<b>3.462.633.669</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	91.413.920	167.570.579
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.351.384.439	2.635.353.127
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.442.798.359</b>	<b>2.802.923.706</b>

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lương và các khoản phúc lợi	33.971.660.607	37.120.387.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.319.060.607	19.938.477.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.786.401.742	4.313.895.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	4.105.583.304	2.691.282.410
Chi phí công cụ, dụng cụ	685.307.863	1.129.599.988
Chi phí văn phòng phẩm	150.877.398	126.539.612
Chi phí khác	96.582.597	148.925.144
<b>Tổng cộng</b>	<b>64.115.474.118</b>	<b>65.469.106.946</b>

## 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

a. Bảng ước tính thuế TNDN trong năm của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>29.650.092.223</b>	<b>37.968.643.244</b>
Cộng:		
- Chi phí không được khấu trừ	3.138.922.478	1.912.711.381
- Chi phí trích trước trong năm	-	69.805.124
Trừ:		
- Chi phí trích trước đã loại ra khi quyết toán thuế	-	(434.697.403)
- Chi phí khấu hao bổ sung do chênh lệch về thời gian khấu hao	-	(121.969.701)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm</b>	<b>32.789.014.701</b>	<b>39.394.492.645</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính theo thuế suất hiện hành</b>	<b>6.557.802.940</b>	<b>8.666.788.382</b>
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	91.483.113	76.184.432
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>6.649.286.053</b>	<b>8.742.972.814</b>
Thuế TNDN phải trả/(nộp thừa) đầu năm	1.964.706.987	(2.446.325.712)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.687.282.917)	(4.331.940.115)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>3.926.710.123</b>	<b>1.964.706.987</b>

b. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại trong năm được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 18)	7.548.804	26.831.354
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 12)	(416.035.574)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>(408.486.770)</b>	<b>26.831.354</b>

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 26.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
			<i>VND</i>	<i>VND</i>
Maybank International Labuan Branch	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Vay Trả gốc vay Trả lãi vay Trích trước lãi vay	345.714.000.000 301.084.000.000 1.028.041.700 303.735.908	64.050.000.000 64.050.000.000 381.959.480 -
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng holdings	Phí hoa hồng Phí marketing Thu phí môi giới	2.813.018.842 845.562.678 343.957.587	1.465.339.951 994.620.689 47.822.158
Maybank Kim Eng Securities (Thai Land) Public Company Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings	Thu phí môi giới	624.047.788	167.215.978
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Vay Trả tiền vay Trả lãi vay Thu lãi tiền gửi Trả phí ngân hàng Tiền gửi có kỳ hạn	37.474.000.000 52.474.000.000 98.896.456 4.042.177 4.088.595 10.000.000.000	- 50.000.000.000 317.013.891 37.267.367 910.910 -
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Bên liên quan	Thu phí nghiên cứu Trả phí nghiên cứu	2.441.050.141 814.913.393	2.336.569.712 584.714.021
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Trả gốc vay Trả lãi vay Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	- - 969.000.000	80.000.000.000 813.027.778 665.000.000
Ban Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	3.750.294.032	4.623.277.327

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 26.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Maybank International Labuan Branch	Công ty con của công ty chủ quản cao nhất	Vay Lãi vay phải trả	(44.630.000.000) (303.735.908)	- -
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của công ty chủ quản cao nhất	Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	(142.000.000)	-
May Bank Kim Eng Securities Pte.Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings	Phí hoa hồng phải trả	(48.622.671)	(19.468.870)
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh của công ty chủ quản cao nhất	Vay Lãi vay phải trả Tiền gửi tại ngân hàng Phải thu lãi tiền gửi	- - 10.027.868.483 2.833.333	(15.000.000.000) (8.583.333) 10.116.514.990 -
Maybank Kim Eng Securities (Thai Land) Public Company Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings	Phải trả giao dịch chứng khoán	(509.580.356)	-

### 26.2 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	10.463.385.559	11.535.527.090
Từ 1 - 5 năm	9.058.972.381	17.512.128.905
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.522.357.940</b>	<b>29.047.655.995</b>

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh 6, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	3 – 6 tháng VND	6 – 12 tháng VND		
Tiền gửi	154.500.000.000	-	-	-	-	154.500.000.000
Các khoản cho vay	768.562.767.761	2.645.370.291	-	-	13.093.563.871	784.301.701.923
Tài sản tài chính khác	9.310.134.834	-	-	-	-	9.310.134.834
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>932.372.902.595</b>	<b>2.645.370.291</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.093.563.871</b>	<b>948.111.836.757</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tương đương tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>						
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>						
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	25.110.000	-	-	-	25.110.000
Các khoản cho vay	15.738.934.162	-	768.562.767.761	-	-	784.301.701.923
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	563.097.459	-	-	563.097.459
Phải thu khác	-	-	8.747.037.375	-	-	8.747.037.375
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	13.573.202.957	154.500.000.000	-	-	168.073.202.957
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.738.934.162</b>	<b>13.598.312.957</b>	<b>932.372.902.595</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>961.710.149.714</b>
<b>NỢ TÀI CHÍNH</b>						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	44.630.000.000	-	-	44.630.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	20.894.592	-	-	-	20.894.592
Phải trả người bán	-	-	51.823.816	-	-	51.823.816
Chi phí phải trả	-	-	3.445.028.834	-	-	3.445.028.834
Phải trả, phải nộp khác	-	-	2.312.924	-	-	2.312.924
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>20.894.592</b>	<b>48.129.165.574</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>48.150.060.166</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>15.738.934.162</b>	<b>13.577.418.365</b>	<b>884.243.737.021</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>913.560.089.548</b>

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

##### *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### 26.4 Phân loại lại số liệu tương ứng

Trong năm, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của Công ty theo Thông tư 210 và Thông tư 334, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 26.4 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo tình hình tài chính

Diễn giải	Số dư đầu năm (đã được trình bày trước đây) VND	Trình bày lại VND	Số dư đầu năm (được trình bày lại) VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.135.511.031.800</b>	<b>(180.054.165.125)</b>	<b>955.456.866.675</b>
Tiền	207.755.854.376	(176.991.784.920)	30.764.069.456
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (**)	1.585.700	(1.585.700)	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	-	1.585.700	1.585.700
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	722.752.294.516	(722.752.294.516)	-
Các khoản cho vay (*)	-	715.743.953.794	715.743.953.794
Các khoản phải thu khác	3.109.655.340	(1.254.819.444)	1.854.835.896
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (**)	(10.193.110.917)	10.193.110.917	-
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp (*)	-	(10.193.110.917)	(10.193.110.917)
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	-	226.492.054	226.492.054
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận (*)	-	8.036.668.112	8.036.668.112
Tài sản ngắn hạn khác	7.084.752.785	(3.062.380.205)	4.022.372.580
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>34.417.747.737</b>	<b>3.062.380.205</b>	<b>37.480.127.942</b>
Tài sản dài hạn khác	15.996.727.286	3.062.380.205	19.059.107.491
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.169.928.779.537</b>	<b>(176.991.784.920)</b>	<b>992.936.994.617</b>

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 26.4 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Diễn giải	Số dư đầu năm (đã được trình bày trước đây) VND	Trình bày lại VND	Số dư đầu năm (được trình bày lại) VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>266.787.552.708</b>	<b>(176.991.784.920)</b>	<b>89.795.767.788</b>
Phải trả người bán	1.773.500.637	19.468.870	1.792.969.507
Chi phí phải trả	12.370.999.754	(12.370.999.754)	-
Các khoản phải trả người lao động	19.468.870	9.193.213.199	9.212.682.069
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	220.120.024.450	(174.817.806.056)	45.302.218.394
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (**)	2.173.978.864	(2.173.978.864)	-
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	73.666.864	73.666.864
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	3.158.317.685	3.158.317.685
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	188.861.342	(73.666.864)	115.194.478
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.169.928.779.537</b>	<b>(176.991.784.920)</b>	<b>992.936.994.617</b>

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính tài chính theo Thông tư 210

(\*\*) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 210.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo đối ngoại bảng
- [2] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210
- [3] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210
- [4] Phân loại lại các khoản mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210
- [5] Phân loại lại các khoản mục vay và nợ theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210
- [6] Phân loại lại các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 26.4 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo kết quả hoạt động

	Diễn giải	Năm trước (đã được trình bày trước đây) VND	Trình bày lại VND	Năm trước (được trình bày lại) VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL (*)	[7]	-	10.810.166.774	10.810.166.774
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[7]	-	82.302.309.904	82.302.309.904
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn	[7]	2.744.024.257	(2.336.569.712)	407.454.545
Doanh thu lưu ký chứng khoán	[7]	2.631.296.487	5.498.096	2.636.794.583
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản (**)	[7]	486.000.000	(486.000.000)	-
Doanh thu khác (**)	[7]	103.822.817.469	(93.098.319.768)	10.724.497.701
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (**)</b>	[7]	<b>175.901.446.239</b>	<b>(175.901.446.239)</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu hoạt động (*)</b>	[7]	<b>-</b>	<b>173.098.522.533</b>	<b>173.098.522.533</b>

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 26.4 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

	Diễn giải	Năm trước		Trình bày lại	Năm trước
		(đã được trình bày trước đây)	VND		
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	[8]	<b>(68.075.619.977)</b>		<b>68.075.619.977</b>	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	[8]	-		(2.445.925)	(2.445.925)
Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	[8]	-		(3.462.633.669)	(3.462.633.669)
Chi phí môi giới chứng khoán	[8]	-		(62.324.505.461)	(62.324.505.461)
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	[8]	-		(1.884.351.539)	(1.884.351.539)
Chi phí lưu ký chứng khoán	[8]	-		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	[8]	-		167.570.579	167.570.579
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	[7]	-		2.635.353.127	2.635.353.127
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	[7]	-		(11.688.668)	(11.688.668)
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (**)</b>	<b>[7]</b>	<b>107.825.826.262</b>		<b>(107.825.826.262)</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>[8]</b>	<b>(69.654.857.947)</b>		<b>4.185.751.001</b>	<b>(65.469.106.946)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>38.170.968.315</b>		<b>-</b>	<b>38.170.968.315</b>
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>37.968.643.244</b>		<b>-</b>	<b>37.968.643.244</b>

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư 210.

(\*\*) Các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không còn được trình bày theo Thông tư 210.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[7] Phân loại lại các khoản mục doanh thu hoạt động theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210.

[8] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 334 và Thông tư 210.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.4 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm (số liệu đã trình bày) VND	Trình bày lại VND	Số dư đầu năm (trình bày lại) VND
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	611.131.570.220	(211.489.569.722)	399.642.000.498
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	214.021.570.220	(211.489.569.722)	2.532.000.498
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	412.755.854.376	(176.991.784.920)	235.764.069.456
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	207.755.854.376	(176.991.784.920)	30.764.069.456

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.4 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ của nhà đầu tư

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm (số liệu đã trình bày) VND	Trình bày lại VND	Số dư đầu năm (trình bày lại) VND
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	-	211.489.569.722	211.489.569.722
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	-	72.908.030.271	72.908.030.271
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	101.750.214.416	101.750.214.416
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	36.831.325.035	36.831.325.035
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	-	176.991.784.920	176.991.784.920
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	-	104.755.870.834	104.755.870.834
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	30.167.024.115	30.167.024.115
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	42.068.889.971	42.068.889.971



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy  
Phó phòng Tài chính  
Kế toán



Trần Thị Ngọc Hương  
Kế toán Trưởng



Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Tài chính  
Kế toán



Kim Thiên Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 2017